

Bản án số: 78/2017/HSPT

Ngày: 24/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSPT ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hải S. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Hải S (tên gọi khác: S)**, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ A, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Sửa xe máy; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Lê Thị L, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2016 đến ngày 24/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có 05 người bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B thì nội dung vụ án như sau:

Nguyễn Hải S là đối tượng có nghề nghiệp ổn định nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 12/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 93P1- 047.34 đi từ nhà đến địa bàn xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương tìm nhà

dân sơ hở lấy trộm tài sản. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đến cửa hàng bán ga T do ông Hoàng Văn T quản lý, S để xe bên ngoài rồi đi bộ vào. Lúc này, ông T đang ngủ trưa, S phát hiện có 01 cái ví da bên trong có số tiền 7.240.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của ông T để trên bàn nên lấy bỏ vào túi áo khoác rồi đi ra ngoài. Lúc này, ông T thức dậy nhìn thấy S thì S giả vờ nói đi đổi ga nhưng quên đem bình ga rồi nhanh chóng ra xe chạy thoát. Sau khi lấy được tài sản, S về thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cá độ đá gà thua hết 3.040.000 đồng. S mua 02 điện thoại di động hết 200.000 đồng còn lại 4.000.000 đồng, S cho bạn gái tên Trần Thị N; bà N không biết đây là tiền do S phạm tội mà có. Sau khi sự việc bị phát hiện, bà N đã giao nộp số tiền này cho Cơ quan Công an huyện B, tỉnh Bình Dương.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 17/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 93P1- 047.34 đi từ nhà đến ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, S phát hiện nhà ông Đỗ Thanh H mở cửa không có người trông coi. S để xe bên ngoài rồi đi vào phòng khách lấy 01 ví da màu đen bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe và 01 điện thoại di động hiệu OPPO R2001 của ông H. Sau khi lấy được tài sản, S lấy giấy tờ cất vào túi rồi vứt bỏ chiếc ví. Chiếc điện thoại S khai đem đến tiệm điện thoại A ở thị xã Đ, tỉnh Bình Phước bán được 400.000 đồng. Quá trình điều tra xác minh chủ tiệm không thừa nhận mua điện thoại của S nên vật chứng không thu giữ được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 12/01/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Dương chiếc điện thoại di động hiệu OPPO R2001 trị giá 800.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào lúc 13 giờ ngày 18/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 93P1- 047.34 đi từ nhà đến địa bàn xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương S dựng xe bên ngoài rồi đi bộ vào nhà bà Nguyễn Thị S. Khi vào phòng khách, S lấy 01 túi nilon để trên tủ kính bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1880, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Đăng K, 01 máy sấy tóc và 01 tông đơ hớt tóc bị hỏng. Sau khi lấy được tài sản, trên đường về thì S đã vứt bỏ máy sấy tóc và tông đơ (nên không thu giữ được). Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1880 S khai đem đến tiệm điện thoại A ở thị xã Đ, tỉnh Bình Phước bán được 50.000 đồng. Quá trình điều tra xác minh, chủ tiệm không thừa nhận mua điện thoại của S nên vật chứng không thu giữ được, riêng giấy phép lái xe của ông K thì S đang cất giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 12/01/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Dương chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1880 trị giá 200.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 23/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 93P1- 047.34 đi từ nhà đến địa bàn xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đến nhà bà Trương Thị Thu H thì S vào phòng khách lấy chiếc điện thoại di động hiệu LG G4 để trên bàn bỏ vào túi áo

rời ra xe chạy về hướng thị trấn C, tỉnh Bình Phước. Sau đó, S tiếp tục theo đường Quốc lộ 14 đi về hướng thị trấn C, tỉnh Bình Phước; đi được khoảng 7 km S vào nhà ông Lâm Xi N. Thấy ông N nằm ngủ và bên cạnh có để 01 điện thoại di động hiệu OPPO NEO5 màu trắng thì S lấy chiếc điện thoại di động hiệu OPPO NEO5 màu trắng bỏ vào túi áo rồi điều khiển xe mô tô đi về hướng xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, S đến nhà bà Không Thị H tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương tìm tài sản lấy trộm. Khi S vừa vào nhà thì bà H thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61T8-2339 mang tên Đỗ Chí H; 01 giấy phép lái xe mang tên Đỗ Thanh H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đăng K; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61R1-9849; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 93P1- 047.34 mang tên Hà Văn Đ; 01 xe mô tô biển số 93P1- 047.34; 01 điện thoại di động hiệu LG G4; 01 điện thoại di động hiệu OPPO NEO5; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu xanh đen; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen.

Bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02, 03 ngày 20/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Bình Phước: Trị giá chiếc điện thoại di động hiệu LG G4 là 3.500.000 đồng, chiếc điện thoại di động hiệu OPPO NEO5 màu trắng là 1.200.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo Sơn chiếm đoạt của những người bị hại trên là 12.940.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; các điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2017, bị cáo Nguyễn Hải S kháng cáo xin hưởng án treo (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật án sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hải S là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo S kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy

định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hải S không đưa ra được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định pháp luật và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hải S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Từ ngày 12/12/2016 đến ngày 23/12/2016, bị cáo S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã C; xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và xã N, huyện C; thị trấn C, tỉnh Bình Phước của các người bị hại Nguyễn Thị S; Đỗ Thanh H; Hoàng Văn T; Trương Thị Thu H; Lâm Xi N với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 12.940.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hải S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của những người bị hại được pháp luật bảo vệ đồng thời gây tâm lý hoang mang cho người dân sống trong khu vực. Bị cáo S nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện. Tại phiên tòa, bị cáo S kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật và không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo và tuyên phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là nhẹ so với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo S nên bị cáo Nguyễn Hải S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hải S; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hải S phải nộp 200.000 đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD; 1
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD; 1
- Trại tạm giam CA tỉnh BD; 1
- TAND H. B; 2
- VKSND H. B; 1
- Chi cục THADS H. B; 1
- Công an H. B; 1
- Bị cáo; Tổ HCTP; 3
- Sở Tư pháp tỉnh BD; 1
- Lưu HS. 1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức